

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng
vùng huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 1650/SXD-QH ngày 18 tháng 3 năm 2021 về việc nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 (kèm theo Tờ trình số 35/TTr-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2021 của UBND huyện Bá Thước).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi, ranh giới, quy mô, lập quy hoạch

- Ranh giới lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Bá Thước với 21 đơn vị hành chính cấp xã (01 thị trấn và 20 xã), ranh giới lập quy hoạch cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp tỉnh Hòa Bình;
- + Phía Đông giáp huyện Cẩm Thủy và huyện Thạch Thành;
- + Phía Nam giáp huyện Lang Chánh và Ngọc Lặc;
- + Phía Tây giáp huyện Quan Hóa và huyện Quan Sơn.

- Quy mô: Diện tích lập quy hoạch khoảng 777,57 km².

2. Quan điểm, mục tiêu lập quy hoạch

2.1. Quan điểm:

- Tuân thủ Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 03/02/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị Quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị.

- Tuân thủ các định hướng lớn về phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; phù hợp với các quy hoạch cấp trên, các quy hoạch ngành, lĩnh vực; kế thừa các quy hoạch, đề án đã và đang triển khai trên địa bàn huyện.

- Lập quy hoạch xây dựng vùng huyện trên cơ sở đánh giá kỹ các tiềm năng nổi trội, các cơ hội phát triển của huyện với tầm nhìn dài hạn. Khai thác tối đa lợi thế của huyện Bá Thước; Phát triển phù hợp với khả năng huy động vốn, sử dụng hiệu quả nguồn lực của địa phương và các nguồn lực từ bên ngoài trên tất cả các lĩnh vực.

- Đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế xã hội của huyện Bá Thước gắn liền với việc ứng phó với biến đổi khí hậu, chống lũ phía đầu nguồn, giữ gìn môi trường, bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn huyện.

- Phát triển kinh tế xã hội kết hợp hài hòa với đảm bảo an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, an ninh quốc gia.

2.2. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa các định hướng của phương án Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045; Tích hợp thống nhất các quy hoạch ngành trên địa bàn huyện, làm công cụ để chỉ đạo toàn diện và thống nhất, là cơ sở để triển khai kế hoạch đầu tư công, thu hút đầu tư trên địa bàn huyện Bá Thước trong từng thời kỳ.

- Tổ chức hệ thống đô thị, nông thôn, khu chức năng và hệ thống công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện theo từng giai đoạn đến năm 2030, 2045 và tầm nhìn sau năm 2045. Xây dựng và phát triển huyện Bá Thước trở thành huyện có kinh tế - xã hội dẫn đầu trong các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa.

- Là cơ sở pháp lý, công cụ chỉ đạo để tổ chức lập quy hoạch đô thị, quy hoạch chung xã, quy hoạch các khu chức năng trên địa bàn huyện, chỉ đạo thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2020-2025 và các giai đoạn tiếp theo.

3. Tính chất, chức năng, vai trò của vùng

- Là huyện miền núi phía Tây tỉnh Thanh Hóa, cửa ngõ phía Tây Bắc của tỉnh. Nằm trên các hành lang kinh tế dọc Quốc lộ 217 và Quốc lộ 15. Với các chức năng chính:

- Là vùng bảo vệ sinh thái thượng nguồn sông Mã và Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Luông.

- Là vùng tăng trưởng xanh phát triển Công - Nông, lâm nghiệp, dịch vụ du lịch cảnh quan sinh thái và văn hóa lịch sử hình thành vùng trọng điểm về dịch vụ du lịch của tỉnh, phát triển kinh tế xã hội mang tính chất động lực lan tỏa, giao thoa giữa trung du và khu vực miền núi phía Tây tỉnh Thanh Hóa với nhiều đầu mối giao thông quan trọng, kết nối vùng Tây Bắc của quốc gia.

4. Yêu cầu lựa chọn chỉ tiêu và dự báo sơ bộ quy mô vùng

4.1. Yêu cầu lựa chọn chỉ tiêu về hạ tầng xã hội & hạ tầng kỹ thuật:

Các chỉ tiêu kỹ thuật tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2019/BXD ngày 31/12/2019. Trong đó lưu ý:

- Hệ thống hạ tầng xã hội bao gồm:

- + Hệ thống dịch vụ - công cộng: y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại và các công trình dịch vụ - công cộng cần tính toán quy mô theo các công trình cấp vùng.

- + Xác định quy mô và vị trí các công trình hạ tầng xã hội mang ý nghĩa cấp vùng huyện và một số công trình hạ tầng xã hội phục vụ vùng liên huyện như: các trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, nghệ thuật, y tế, TDTT...

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm: Hệ thống giao thông; Hệ thống chiếu sáng công cộng; Hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động; Hệ thống cấp nước; Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải (XLNT); Hệ thống quản lý chất thải rắn (CTR); Hệ thống vệ sinh công cộng; Hệ thống nhà tang lễ, nghĩa trang và cơ sở hỏa táng đảm bảo tiêu chí của đô thị loại V trở lên.

4.2. Dự báo quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng khu vực quy hoạch 2020 khoảng 101.000 người, Dân số đô thị khoảng: 13.500 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 13,3%.

- Dự báo đến năm 2025: dân số toàn huyện khoảng: 105.000 người, dân số đô thị khoảng 15.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 14,3%.

- Dự báo đến năm 2030: dân số toàn huyện đạt khoảng 110.000 người, dân số đô thị khoảng 20.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 18,2%.

- Dự báo đến năm 2045: quy mô dân số toàn huyện khoảng 120.000 người, dân số đô thị khoảng 25.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 21,0%.

4.3. Dự báo quy mô đất đai:

- Dự kiến chỉ tiêu đất xây dựng đô thị khoảng 200 - 250m²/người.

- Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2025 khoảng 2100ha - 2.625ha;

- Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2030 khoảng 2200ha - 2.750ha;

- Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2045 khoảng 2400ha - 3.000ha.

(Các dự báo sẽ được nghiên cứu cụ thể trong quá trình lập quy hoạch).

5. Nội dung yêu cầu nghiên cứu

Nội dung yêu cầu nghiên cứu đồ án quy hoạch xây dựng vùng thực hiện theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ. Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng, các yêu cầu cụ thể như sau:

5.1. Yêu cầu về phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, hiện trạng:

- Phân tích, đánh giá liên kết giữa huyện Bá Thước với các huyện trong vùng liên huyện số 6, đặc biệt là vai trò liên kết kinh tế, xã hội, từ đó có những giải pháp phù hợp kết nối hiệu quả, cùng phát triển.

- Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế xã hội, hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn, sử dụng đất đai, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, môi trường và những yếu tố mang tính đặc thù của vùng huyện Bá Thước. Luận chứng khoa học về những tiềm năng nổi trội của huyện, từ đó có đánh giá tổng hợp về những cơ hội cũng như thách thức của huyện Bá Thước trong thời kỳ mới.

- Đánh giá về các điều kiện tự nhiên như: Khí hậu, thủy văn, địa hình địa mạo, địa chất công trình, địa chất thủy văn... để xác định các khu vực có quỹ đất xây dựng thuận lợi, các khu vực cần kiểm soát phát triển.

- Nghiên cứu, đánh giá những khu vực có nguy cơ lũ lụt cao, các khu vực có nguy cơ sạt lở đất cao làm cơ sở để có biện pháp ứng phó phù hợp.

- Đánh giá tình hình phát triển các đô thị, các điểm dân cư nông thôn, tỷ lệ đô thị hóa, thực trạng quản lý đô thị; các cơ sở kinh tế chủ yếu phát triển vùng (công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông, dịch vụ, du lịch, thương mại, khoa học công nghệ, đào tạo...); hệ thống hạ tầng xã hội để làm cơ sở để xác định cơ cấu phát triển không gian.

- Đánh giá hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường, bao gồm: hiện trạng hệ thống giao thông từ đường xã trở lên, hiện trạng chuẩn bị kỹ thuật, thoát nước và xử lý nước thải, thu gom và xử lý CTR, công nghệ xử lý nước thải, CTR của các đô thị, các cụm công nghiệp, hiện trạng nghĩa trang, hiện trạng về tiêu thụ điện, nguồn điện và lưới điện, hiện trạng môi trường tự nhiên (nước, không khí, đất, hệ sinh thái...) và môi trường xã hội.

- Điều tra khảo sát, thu thập số liệu và đánh giá hiện trạng “hạ tầng viễn thông thụ động”.

- Rà soát và đánh giá các đề án, các cơ chế chính sách quản lý và phát triển theo quy hoạch của tỉnh, các quy hoạch xây dựng đã có, dự án đầu tư cấp Quốc gia, cấp tỉnh, các dự án cấp huyện đã và đang triển khai. đánh giá tính hiệu quả, sự phù hợp với tổng thể chung trong thời kỳ mới.

5.2. Yêu cầu về định hướng phát triển không gian vùng:

- Định hướng phát triển không gian vùng phải phù hợp với định hướng chung của tỉnh, trong đó yêu cầu xác định rõ vai trò huyện Bá Thước trong vùng liên huyện.

- Định hướng cụ thể trên từng giai đoạn về kinh tế - xã hội để làm cơ sở định hướng các ngành, lĩnh vực, xác định các nét đặc trưng riêng của huyện, các trụ cột để tập trung phát triển theo hướng: nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại (đặc biệt là du lịch sinh thái trải nghiệm thiên nhiên, tìm hiểu văn hóa lịch sử..).

- Rà soát đánh giá hiện trạng các cụm công nghiệp hiện nay, đề xuất mở rộng, di chuyển hoặc quy hoạch mới các cụm công nghiệp đảm bảo thuận lợi thu hút đầu tư và theo các định hướng quy hoạch ngành cấp trên. Xác định các loại hình ưu tiên thu hút đầu tư vào các cụm, khu công nghiệp theo hướng các cụm công nghiệp gắn với sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, trong đó ưu tiên các ngành công nghiệp sạch, ít sử dụng tài nguyên, thân thiện với môi trường. Khôi phục và phát triển các nghề truyền thống, chú trọng đến các nghề dệt thổ cẩm, mây tre đan và các nghề mới phục vụ du lịch sinh thái cộng đồng trên địa bàn huyện. Quy hoạch xây dựng thêm các làng nghề quy mô nhỏ, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa nông thôn.

- Đối với phân vùng phát triển: rà soát lại các vùng phát triển theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, đề xuất các vùng phát triển phù hợp với tiềm năng và lợi thế của từng khu vực gắn với việc bố trí các khu chức năng, các khu vực sản xuất. Xác định các vùng phát triển (các khu vực phát triển đô thị); hạn chế phát triển (vùng trũng thấp, các vùng có nguy cơ sạt lở...); các vùng bảo tồn, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên các khu vực cảnh quan sinh thái, di tích...

- Đối với các khu vực phát triển du lịch: phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng. Nghiên cứu các loại hình du lịch phù hợp với văn hóa và phong tục tập quán của địa phương, khai thác và phát huy các nguồn tài nguyên tự nhiên và nhân văn. Kết hợp các loại hình du lịch trải nghiệm thiên nhiên, khám phá văn hóa, du lịch..

- Đối với khu vực phát triển nông, lâm nghiệp: nghiên cứu xây dựng các vùng sản xuất, chăn nuôi theo hướng tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao. Phát triển lâm nghiệp bền vững cả về kinh tế và môi trường, đa dạng hóa các sản phẩm lâm nghiệp, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm thế mạnh.

5.3. Yêu cầu nghiên cứu về hệ thống đô thị, nông thôn:

- Trên cơ sở định hướng Quy hoạch hệ thống đô thị toàn tỉnh, dự kiến đến năm 2030 huyện Bá Thước phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn huyện gồm: thị trấn Cành Nàng; đô thị Đồng Tâm; đô thị Diên Lư; đô thị Diên Lư.

- Yêu cầu nghiên cứu, phải làm rõ tính chất chức năng của các đô thị, xác định quy mô các đô thị đảm bảo tiêu chí quy định tại Nghị quyết 1210/2016/NQ-UBTVQH gắn với sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính.

- Đối với khu vực Nông thôn: Định hướng khung hạ tầng chung, trong đó chú trọng hạ tầng giao thông, định hướng các khu vực dân cư hiện hữu, các khu vực dự kiến phát triển, các khu, cụm công nghiệp, khu vực phát triển nông lâm nghiệp. Làm cơ sở để lập các đồ án quy hoạch chung xã theo các quy định tại nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ và thông tư Số: 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng về quy hoạch chung xây dựng xã.

5.4. Yêu cầu về định hướng hệ thống hạ tầng xã hội:

- Hệ thống hạ tầng xã hội bao gồm: Hệ thống dịch vụ - công cộng: y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại và các công trình dịch vụ - công cộng cần tính toán quy mô theo các công trình cấp vùng.

- Xác định quy mô và vị trí các công trình hạ tầng xã hội mang ý nghĩa cấp vùng huyện và một số công trình hạ tầng xã hội phục vụ vùng liên huyện như: các trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, nghệ thuật, y tế, TDTT...

5.5. Yêu cầu về định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng:

Xác định mạng lưới, vị trí, quy mô các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng hoặc liên vùng gồm: Chuẩn bị kỹ thuật, giao thông, phát triển điện lực, cung cấp năng lượng, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang...

- Về định hướng giao thông:

+ Phân tích mô hình giao thông, xác định khung giao thông vùng, các công trình đầu mối giao thông quan trọng liên kết với các khu vực trọng điểm của tỉnh. Đối với giao thông nội huyện, lựa chọn khung giao thông để phát triển các khu vực mới và các đô thị dự kiến hình thành, tạo mối liên hệ hợp lý giữa đô thị với khu vực nông thôn. Lưu ý việc khai thác lợi thế tuyến QL 217, QL15 và ĐT 521D, 521C.

+ Trong quá trình lập quy hoạch đề nghị định hướng phát triển hạ tầng giao thông trong khu vực phải đảm bảo đúng với phương án quy hoạch hệ thống giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa.

- Về định hướng chuẩn bị kỹ thuật: Phân tích, đánh giá về địa hình, các biến động về địa chất, cảnh báo các vùng cấm và hạn chế xây dựng, xác định các khu vực thuận lợi xây dựng, hạn chế tác động đến địa hình tự nhiên.

- Về định hướng quy hoạch cấp nước: Đánh giá về tài nguyên nước mặt và nước ngầm, nghiên cứu quy mô và công suất các công trình đầu mối cấp nước. Tính toán bổ sung nhu cầu cấp nước cho các khu vực dự kiến là đô thị; trung tâm huyện lỵ. Đề xuất các giải pháp bảo vệ nguồn nước và công trình đầu mối, các giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai.

- Về định hướng quy hoạch cấp điện: Dự báo bổ sung nhu cầu phụ tải điện, bao gồm: Phụ tải điện sinh hoạt, điện công trình công cộng, điện sản xuất, điều chỉnh lưới truyền tải điện và phân phối điện theo nhu cầu phụ tải mới. Đề xuất khai thác sử dụng các nguồn năng lượng mới và tái tạo.

- Về định hướng quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang: Dự báo, điều chỉnh bổ sung, công suất, quy mô của các trạm xử lý nước, trạm bơm cho các khu vực. Nghiên cứu điều chỉnh bổ sung quy mô, công suất một số công trình đầu mối xử lý chất thải rắn, và nghĩa trang cấp vùng huyện.

- Nghiên cứu, xác định mạng lưới, vị trí và quy mô các công trình hạ tầng viễn thông thụ động theo các định hướng quy hoạch chuyên ngành.

5.6. Yêu cầu về đánh giá môi trường chiến lược và các yêu cầu khác:

- Đánh giá hiện trạng các nguồn gây ô nhiễm lớn (vùng đô thị, vùng công nghiệp, vùng khai thác khoáng sản...), các vùng bị suy thoái môi trường, các vùng bảo tồn sinh thái cảnh quan. Xác định các nội dung bảo vệ môi trường của quy hoạch ở quy mô vùng (cấp nước vùng, giao thông vùng, xử lý chất thải liên đô thị, bảo vệ môi trường lưu vực sông...).

- Dự báo xu hướng các vấn đề môi trường do tác động của phân bố đô thị, dân cư, các hoạt động kinh tế, mạng lưới hạ tầng kỹ thuật trong vùng; nêu các vấn đề môi trường đã và chưa được giải quyết trong đồ án quy hoạch. Đánh giá sự thống nhất giữa các quan điểm, mục tiêu của quy hoạch xây dựng và các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường; dự báo, so sánh tác động môi trường của các phương án quy hoạch.

- Tổng hợp, đề xuất, sắp xếp thứ tự ưu tiên các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện các vấn đề môi trường còn tồn tại trong đồ án quy hoạch; đề xuất các vùng bảo vệ môi trường (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, hành lang xanh, vùng di sản, lưu vực nguồn nước...).

* Các yêu cầu khác:

- Nghiên cứu phân tích, làm rõ vai trò, vị trí, vị thế, tiềm năng của huyện Bá Thước.

- Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư chủ yếu có ý nghĩa tạo lực phát triển về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xã hội và bảo vệ môi trường đột đầu; sắp xếp danh mục các dự án theo thứ tự ưu tiên, yêu cầu về quy mô xây dựng, phân kỳ đầu tư, dự báo nhu cầu vốn và kiến nghị nguồn vốn đầu tư.

- Đề xuất các cơ chế quản lý quy hoạch và phát triển vùng, các nhóm giải pháp thực hiện quy hoạch.

6. Hồ sơ sản phẩm

6.1. Hồ sơ địa hình phục vụ lập quy hoạch

- Sử dụng bản đồ địa hình tỉnh Thanh Hóa tỷ lệ 1/100.000 sẵn có để thực hiện bản đồ vị trí và mối quan hệ liên vùng;

- Sử dụng bản đồ địa hình số tỷ lệ 1/25.000 và tỷ lệ 1/10.000 của Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam có hiệu chỉnh, bổ sung để thực hiện hồ sơ quy hoạch.

6.2. Hồ sơ quy hoạch

a) Thành phần và nội dung hồ sơ bản vẽ:

- Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng: Vị trí, ranh giới của vùng, mối quan hệ về tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường có ảnh hưởng tới vùng quy hoạch. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

- Các sơ đồ hiện trạng vùng: Điều kiện tự nhiên; hiện trạng phân bố dân cư và sử dụng đất; hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường cấp vùng. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000.

- Các sơ đồ về phân vùng và định hướng phát triển không gian vùng: Xác định các vùng phát triển, bảo tồn, hạn chế phát triển, vùng cấm phát triển; tổ chức hệ thống các đô thị, các khu vực dân cư nông thôn; phân bố, xác định quy mô các không gian phát triển công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp; các vùng nghỉ ngơi du lịch, khai thác, bảo vệ thiên nhiên, tôn tạo, các vùng di tích lịch sử văn hóa và các chức năng khác, phân bố cơ sở kinh tế - kỹ thuật cấp vùng. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000.

- Các sơ đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật cấp vùng: Giao thông, cao độ nền, thoát nước mặt, cung cấp năng lượng, viễn thông, cấp nước, quản lý chất thải và nghĩa trang. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000.

- Các bản vẽ về đánh giá môi trường chiến lược. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

b) Phần văn bản gồm:

- Thuyết minh tổng hợp;
- Tờ trình xin phê duyệt quy hoạch;
- Dự thảo Quyết định, quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch;
- Các văn bản pháp lý có liên quan.

6.3. Yêu cầu về hồ sơ

- Bản đồ minh họa trong thuyết minh được thu nhỏ theo khổ giấy A3, in màu;

- Bản đồ dùng cho việc báo cáo thẩm định, phê duyệt, in màu theo tỉ lệ;
- Số lượng tài liệu dùng báo cáo thẩm định theo yêu cầu của hội nghị.

- Hồ sơ trình duyệt lập thành 08 bộ in màu theo tỷ lệ, kèm theo 04 bộ hồ sơ màu in khổ A0 (chủ đầu tư, các cơ quan thẩm định quản lý), 04 đĩa CD ghi toàn bộ nội dung bản vẽ và các văn bản liên quan.

7. Kinh phí, nguồn vốn thực hiện

- Kinh phí lập quy hoạch: Giao UBND huyện Bá Thước tổ chức thẩm định, phê duyệt dự toán lập quy hoạch theo quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Nguồn vốn lập quy hoạch: Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ theo Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 22/02/2021 và các nguồn huy động hợp pháp khác đảm bảo quy định.

8. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan phê duyệt quy hoạch: UBND tỉnh Thanh Hóa.
- Cơ quan Chủ đầu tư và trình hồ sơ: UBND huyện Bá Thước.
- Cơ quan tổ chức thẩm định: Sở Xây dựng Thanh Hóa.
- Đơn vị lập quy hoạch: Lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định hiện hành.
- Thời gian thực hiện đồ án quy hoạch: Trước ngày 30/9/2021 (theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 17478/UBND-CN ngày 16/12/2020).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Bá Thước; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Lưu: VT, CN.
- H2.(2021)QDPD_NV QHVV Ba Thuoc

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Xuân Liêm